TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/DS-ST
Ngày: 02/8/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2017, về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2018/QĐXXST-DS ngày 11/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:
Ông Đinh M, sinh năm 1960
Bà Võ Thị L, sinh năm 1964
Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1961.
Địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
Ông M, bà L có mặt; bà L1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 26/10/2017, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Đinh M và bà Võ Thị L trình bày: Thông qua quan hệ bạn bè và hàng xóm với nhau nên bà Nguyễn Thị L1 có vay của ông, bà 02 lần tiền tổng cộng là 300.000.000đồng để đóng tàu đánh bắt cá. Cụ thể, ngày 19/02/2014 vay 200.000.000đồng và ngày 08/3/2014 vay 100.000.000đồng, có viết giấy vay với mức lãi suất thỏa thuận là 3,5%/tháng, thời hạn trả nợ vay là không xác định và khi bà Nguyễn Thị L1 có tiền thì trả. Sau khi vay bà Nguyễn Thị L1 đã trả được 03 tháng tiền lãi với số tiền 31.500.000đồng từ đó đến nay không trả tiền gốc, lãi. Ông, bà đã đòi nhiều lần nhưng bà L1 cứ hẹn mà không trả. Trong quá trình giải

quyết vụ án ông, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị L1 phải trả 300.000.000đồng tiền gốc. Tại phiên tòa ông, bà thay đổi yêu cầu buộc bà L1 trả 250.000.000đồng tiền gốc, không yêu cầu trả lãi vì điều kiện kinh tế bà L1 khó khăn.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 01/8/2018 bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Bà là hàng xóm láng giềng của ông M, bà L. Bà không vay tiền của ông M, bà L và không viết giấy vay tiền. Tuy nhiên, theo kết luận giám định bà đồng ý trả cho ông M, bà L số tiền là 300.000.000đồng. Vì điều kiện kinh tế khó khăn bà xin ông M, bà L giảm số tiền nợ cho bà 100.000.000đồng, bà trả 200.000.000đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26, 35, 144, 147, 161, 162, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh M và bà Võ Thị L: Buộc bà Nguyễn Thị L1 trả cho ông M, bà L số tiền là 250.000.000đồng.

Về chi phí giám định và giám định lại: Bà L1 phải chịu.

Về án phí: Bà L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông M, bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 01/8/2018 bà Nguyễn Thị L1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L1.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn ông Đinh M, bà Võ Thị L cung cấp là Hợp đồng cho vay tiền ngày 19/02/2014 và ngày 08/3/2014. Căn cứ Kết luận giám định số 233/KLGĐ-PC54 ngày 06/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi và Kết luận giám định số 88/C54-P5 ngày 25/5/2018 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát kết luận:

- Chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (trừ các chữ "Võ Thị L") so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị L1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 (trừ chữ ký, chữ viết dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN A", các dòng chữ ở dòng chữ viết thứ 1, 2 tính từ trên xuống) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị L1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị L1 đều xác định không viết và ký vào hợp đồng vay tiền của ông M, bà L nhưng không có ý kiến gì đối với các kết luận giám định và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác. Ngày 01/8/2018 bà Nguyễn Thị L1 có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày trong đơn đồng ý trả nợ cho ông M, bà L số tiền 300.000.000đồng, tuy nhiên xin ông M, bà L giảm cho 100.000.000đồng vì điều kiện kinh tế của bà L1 rất khó khăn. Tại phiên tòa ông M, bà L chỉ yêu cầu bà L1 phải trả 250.000.000đồng tiền gốc, giảm cho bà L1 50.000.000đồng tiền gốc là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, buộc bà Nguyễn Thị L1 phải trả cho ông Đinh M, bà Võ Thị L số tiền 250.000.000đồng tiền gốc. Nguyên đơn không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Theo nguyên đơn thừa nhận, sau khi bà Nguyễn Thị L1 vay số tiền 300.000.000đ có trả cho nguyên đơn 03 tháng tiền lãi với số 31.500.000đ theo mức lãi suất thỏa thuận là 3,5%/ tháng. Theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam lãi suất cơ bản là 9%/năm nên số tiền bà L1 đã trả lãi là cao hơn mức lãi suất Ngân hàng nhà nước quy định. Tuy nhiên, số tiền lãi này nguyên đơn tính lãi từ ngày vay đến ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện là ngày 31/10/2017 và không yêu cầu bà Nguyễn Thị L1 phải trả thêm tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét số tiền lãi mà bà L1 đã trả.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ viết và chữ ký là 7.050.000đồng bà Nguyễn Thị L1 phải chịu do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bà L1 là không có căn cứ.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 12.500.000đồng (250.000.000đồng x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, 147, 161, 162, 227, 228, 235, 244, 266, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474 và Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị L1 có trách nhiệm trả cho ông Đinh M và bà Võ Thị L 250.000.000đồng (Hai trăm năm

mươi triệu đồng) tiền gốc. Về tiền lãi: Ông Đinh M và bà Võ Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc giảm cho bị đơn 50.000.000đồng tiền nợ gốc.

2. Về chị phí tố tụng: Chi phí giám định chữ viết và chữ ký là 7.050.000đồng buộc bà Nguyễn Thị L1 phải chịu. Bà Nguyễn Thị L1 đã nộp 5.050.000đồng, ông Đinh M và bà Võ Thị L đã nộp 2.000.000đồng đã chi phí xong nên buộc bà Nguyễn Thị L1 phải thanh toán lại cho ông Đinh M, bà Võ Thị L số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng).

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 12.500.000đồng (Mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 7.500.000đ (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) ông Đinh M, bà Võ Thị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001836 ngày 21/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

*** <u>Nơi nhận</u>:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP.Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hồng Hoa